

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2022/HS-ST
Ngày: 23 - 02-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đoàn Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Hồng Hà và ông Nguyễn Quang Miên.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Hoàng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: bà Tống Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 105/2021/HSST ngày 30-12-2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST- HS ngày 14-01-2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/HSST-QĐ ngày 26 - 01-2022 và Thông báo mở lại phiên tòa đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Duy T, sinh năm: 1962 tại xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nơi cư trú: thôn PL, xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy Đ và bà Nguyễn Thị Y; có vợ Phạm Thị L, sinh năm 1965; tại phiên tòa bị cáo xác định có ba con (con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 1995); tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Quyết định số 66 ngày 30-8-2001, Công an huyện Cẩm Giàng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Bùi Hữu H, sinh năm 1968 tại xã ĐS, huyện CG, tỉnh HD; nơi cư trú: thôn BQ, xã ĐS, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Hữu Đ và bà Vũ Thị L; có vợ là Nguyễn Thị D, sinh năm 1965 và 02 con (con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1993); tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Quyết định số 98/QĐ-XPHC ngày 14-3-2015, Công an huyện Cẩm Giàng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Hoàng Tiến C, sinh năm 1982 tại xã CV, huyện CG, tỉnh HD, nơi cư trú: thôn PL, xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Tiến S và Phạm Thị Th; có vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1983 và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Quyết định số 112/QĐ-XPHC ngày 29-4-2017, Công an huyện Cẩm Giàng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Vũ Đình Đ, sinh năm 1975 tại xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nơi cư trú: thôn PL, xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình H và bà Đào Thị Ng; có vợ là Hoàng Thị T, sinh năm 1979 và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Nguyễn Tiến H1, sinh năm 1966 tại xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nơi cư trú: thôn PL, xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến Th và bà Hoàng Thị B; có vợ là Đào Thị X, sinh năm 1966 và 03 con (con lớn nhất sinh năm 1985, con nhỏ nhất sinh năm 1990); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08-12-2021 đến ngày 15-12-2021; được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh từ ngày 16-12-2021.

6. Phạm Khắc X, sinh năm 1963 tại xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nơi cư trú: thôn PL, xã CV, huyện CG, tỉnh HD; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Khắc H và bà Vũ Thị M; có vợ là Chu Thị H, sinh năm 1963 và 04 con (con lớn nhất sinh năm 1985, con nhỏ nhất sinh năm 1992); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Người làm chứng:

-. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1953; trú tại: thôn PQ, xã ĐS, huyện CG, tỉnh HD.

-. Bà Chu Thị H2, sinh năm 1963; trú tại: thôn PL, xã CV, huyện CG, tỉnh HD.

Tại phiên tòa có mặt các bị cáo, vắng mặt ông T1, bà H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 17-10-2021, Nguyễn Duy T, Vũ Đình Đ, Bùi Hữu H, Hoàng Tiến C đến nhà Phạm Khắc X ở thôn PL, xã CV, huyện CG chơi, rồi cùng rủ nhau đánh chắn ăn tiền và được X chủ nhà đồng ý. Cả nhóm đi lên phòng thờ tầng 2 nhà X, sử dụng 01 bộ bài chắn 100 quân, 01 bát sứ và 01 chiếu cói đã chải sẵn trong phòng để cùng chơi đánh chắn. Tất cả thống nhất cách chơi và mức độ thắng thua như sau: bộ bài chắn 100 quân chia đều làm 5 phần, mỗi phần 19 quân, người đánh trước được 20 quân, số còn lại để làm bài lọc được đặt trên bát sứ; mức độ sát phạt “suông 20, dịch 10”; tức là ù suông (ù không có cước) thì mỗi người phải trả cho người ù 20.000đ, ù có cước thì mỗi cước được tính bằng 1 điểm (tức là dịch 1 cước bằng 10.000đ). Cụ thể: ù tôm được cộng thêm 30.000đ, ù lèo được cộng thêm 40.000đ; ù tám đỏ, ù bạch định hoặc chì bạch thủ ù chì thì người chơi phải trả cho người ù 70.000đ; nếu một trong bốn người ù các cước nêu trên thì ba người phải trả tiền cho người ù theo quy định; nếu bốc hết quân bài lọc trên đĩa mà không có người ù thì ván chơi đó hòa, chia bài đánh ván mới. Quá trình chơi nếu ai ù tám đỏ, bạch định hoặc chì bạch thủ chì thì người đó bỏ ra 10.000đ để Xá chủ nhà đi mua thuốc nước về cho mọi người. Khoảng 09 giờ 15 phút, các đối tượng bắt đầu chơi. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Nguyễn Tiến H1 đến chơi thấy H có việc đi về nên đã vào tham gia chơi tại vị trí của H1. Khoảng 12 giờ cùng ngày, H quay lại tiếp tục chơi thì H1 đi về. Khoảng 14 giờ cùng ngày, ông Nguyễn Văn T1 trú tại thôn PQ, xã ĐS, huyện CG đến nhà X chơi và có ngồi xem. Các bị cáo chơi đến 14 giờ 30 phút cùng ngày thì bị bắt quả tang, thu giữ số tiền 16.840.000đ; 01 bộ bài chắn 100 quân; 01 bát sứ; 01 chiếu cói. Quá trình điều tra: T khai trước khi chơi có 6.000.000đ; H khai trước khi chơi có 2.200.000đ; Đ khai trước khi chơi có 1.400.000đ; C khai trước khi chơi có 1.200.000đ; H1 khai trước khi chơi có 300.000đ khi đi về đã cầm theo; tất cả đều sử dụng hết để đánh chắn.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 28-12-2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo Nguyễn Duy T, Bùi Hữu H, Hoàng Tiến C, Vũ

Đình Đ, Nguyễn Tiến H1, Phạm Khắc X về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị: Về tội danh tuyên các bị cáo Nguyễn Duy T, Bùi Hữu H, Hoàng Tiến C, Vũ Đình Đ, Hoàng Tiến H1, Phạm Khắc X phạm tội đánh bạc.

Về hình phạt chính:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo T, H, C, Đ;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T 12 đến 14 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 đến 28 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Bùi Hữu H 10 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Hoàng Tiến C 09 đến 11 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 22 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Vũ Đình Đ 08 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 đến 20 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T, C, Đ cho UBND xã CV giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo H cho UBND xã ĐS giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo H1, X;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến H1 10 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 8 ngày tạm giam bằng 24 ngày cải tạo không giam giữ, kể từ ngày cơ quan tổ chức được giao nhiệm vụ giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án, bản án. Khấu trừ thu nhập từ 5% đến 10 %/tháng đối với bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Phạm Khắc X 10 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, kể từ ngày cơ quan tổ chức được giao nhiệm vụ giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án, bản án. Khấu trừ thu nhập từ 5% đến 10 %/tháng đối với bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo H1 và X cho UBND xã CV, giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng.

Về vật chứng vụ án: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 16.840.000đồng;

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài chắn 100 quân, 01 bát sứ, 01 chiếu cói.

Truy thu số tiền đánh bạc 300.000 đồng của bị cáo Hòa.

Về án phí: áp dụng: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận hành vi chơi đánh chắn ăn tiền và khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt là đúng, không có ý kiến bào chữa, tranh luận. Bị cáo H1 xác định vẫn chưa giao nộp lại 300.000đ sử dụng đánh bạc.

Lời nói sau cùng trong phiên tòa: các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Giàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, lời khai người làm chứng tại Cơ quan điều tra; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 17-10-2021, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 09 giờ 15 phút đến 14 giờ 30 phút ngày 17-10-2021, tại nhà của Phạm Khắc X ở thôn PL, xã CV, huyện CG, tỉnh HD, Xá đã đồng ý cho Bùi Hữu H, Nguyễn Duy T, Vũ Đình Đ, Hoàng Tiến C, Nguyễn Tiến H1 thực hiện hành vi chơi đánh chắn thắng thua bằng tiền thì bị bắt quả tang, thu giữ được 01 bộ bài chắn 100 quân; 01 bát sứ; 01 chiếu cói và số tiền sử dụng đánh bạc thu tại chỗ là 16.840.000đ và 300.000đ H1 đang quản lý; tổng là 17.140.000đ. Các bị cáo là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh chắn sát phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn kiếm tiền nhanh nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Xét về hành vi và số tiền các bị cáo T, Đ, H, C, H1 sử dụng đánh chắn đã đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc. Đối với bị cáo X,

mặc dù không trực tiếp tham gia đánh chắn nhưng bị cáo đã cho 5 bị cáo trên đánh bạc trái phép tại nhà ở của mình. Căn cứ khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22-10-2010 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thì hành vi của bị cáo Xá đã đồng phạm với 5 bị cáo đánh bạc. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo Bùi Hữu H, Nguyễn Duy T, Vũ Đình Đ, Hoàng Tiến C, Nguyễn Tiến H1 và Phạm Khắc X về Tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự cộng đồng, gây mất trị an trong thôn xóm, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh xã hội của địa phương.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự chuẩn bị trước, không có tổ chức cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm; quá trình điều tra không xác định được ai là người đề xuất. Bị cáo T chỉ khai nhận trước khi chơi có 6.000.000đ; bị cáo H chỉ khai nhận trước khi chơi có 2.200.000đ; bị cáo Đ chỉ khai nhận trước khi chơi có 1.400.000đ; bị cáo C chỉ khai nhận trước khi chơi có 1.200.000đ; bị cáo H1 chỉ khai nhận trước khi chơi có 300.000đ nhưng khi đứng dậy đã cầm theo mang về; tổng số tiền các bị cáo thừa nhận là 11.100.000đ. Mặc dù không xác định được số tiền chênh lệch là của ai nhưng các bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng số tiền thực thu công khai 17.140.000đ.

Trong vụ án này, bị cáo T tham gia đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt với số tiền nhiều nhất nên giữ vai trò thứ nhất. Bị cáo H đánh bạc thời gian ít hơn, sử dụng số tiền nhiều thứ hai; bị cáo Đ, C tham gia đánh từ đầu nhưng sử dụng số tiền nhiều thứ ba nên xác định 3 bị cáo giữ vai trò thứ hai. Bị cáo H1 sử dụng số tiền đánh bạc ít nhất, thời gian đánh bạc ngắn nên giữ vai trò thứ ba. Bị cáo X cho 5 bị cáo trên đánh bạc tại nhà ở của mình nên giữ vai trò đồng phạm giúp sức. Căn cứ Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, HĐXX xem xét để có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự(TNHS):

- Về nhân thân: các bị cáo đều được xác định là chưa có tiền án tiền sự; riêng bị cáo H, C, T đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc từ những năm 2015, 2017, 2001 và đã được xóa.

- Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS.

- Các bị cáo đều lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, số tiền đánh bạc ít, đều không có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà có thể cho các bị cáo được tại ngoại, cải tạo không giam giữ tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Hình phạt bổ sung: các bị cáo đều ở nông thôn, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, là lao động chính trong gia đình, không có việc làm thu nhập ổn định, không có tài sản riêng. Thời gian đánh bạc không dài; số tiền sử dụng đánh bạc không lớn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: bộ bài chắn 100 quân; 01 bát sứ, 01 chiếu cói là công cụ các bị cáo dùng đánh bạc, cần tịch thu cho tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Số tiền 17.140.000đ (có 16.840.000đ thu tại chiếu bạc và 300.000đ bị cáo H1 đang quản lý) được xác định là tiền đánh bạc, tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về án phí: các bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[8] Các vấn đề khác: quá trình các bị cáo đánh bạc tại nhà bị cáo X, chị Chu Thị H2 (vợ bị cáo X) không biết nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy T, bị cáo Bùi Hữu H, bị cáo Hoàng Tiến C, bị cáo Vũ Đình Đ, bị cáo Nguyễn Tiến H1, bị cáo Phạm Khắc X phạm Tội đánh bạc;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Thu, Hùng, Công, Đại;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T 12 (*mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24(*hai mươi bốn*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Hữu H 10 (*mười*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (*hai mươi*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Tiến C 09 (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (*mười tám*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Đình Đ 08 (*tám*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (*mười sáu*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo T, C, Đ cho UBND xã CV; Giao bị cáo H cho UBND xã ĐS, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo T, C, Đ, H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo T, C, Đ, H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo H1, X;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến H1 10 (*mười*) tháng cải tạo không giam giữ; được trừ 08 ngày tạm giữ (từ ngày 08-12-2021 đến ngày 15-12-2021) bằng 24 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành tiếp 09(*chín*) tháng 06 (*sáu*) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày UBND xã CV, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Xử phạt bị cáo Phạm Khắc X 10 (*mười*) tháng cải tạo không giam giữ; thời hạn tính từ ngày UBND xã CV, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo H1 và bị cáo X trong thời gian cải tạo không giam giữ sung vào ngân sách Nhà nước. Giao hai bị cáo H1, X cho UBND xã CV huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, nơi các bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Biện pháp tư pháp: căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 17.140.000đ (trong đó số tiền 16.840.000đ được đựng trong 01 phong bì niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương, hiện do Chi Cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24-01-2022; còn 300.000đ bị cáo H1 chưa nộp).

Về vật chứng: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy bộ bài chắn 100 quân được niêm

phong theo quy định và 01 bát sứ, 01 chiếu cói theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04-01-2022.

Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Các bị cáo Nguyễn Duy T, bị cáo Bùi Hữu H, bị cáo Hoàng Tiến C, bị cáo Vũ Đình Đ, bị cáo Nguyễn Tiến H1 và bị cáo Phạm Khắc X, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo T, H, C, Đ, H, X đều có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - Công an huyện Cẩm Giàng;
- Cơ quan THAHS- Công an huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THSDS huyện Cẩm Giàng;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Thúy